

SỞ NN VÀ PTNT TỈNH BÌNH ĐỊNH  
CHI CỤC KIỂM LÂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /CCKL-SDPTR

Bình Định, ngày tháng 4 năm 2024

V/v nộp tiền trồng rừng phục hồi môi trường sau khai thác Titan tại mỏ Nam Đê Gi, xã Cát Thành, huyện Phù Cát của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Thực hiện chỉ đạo của Sở Nông nghiệp và PTNT thôn kèm theo văn bản số 1785/UBND-KT ngày 12/3/2024 của UBND tỉnh về việc đề nghị chấp thuận nộp tiền trồng rừng phục hồi môi trường sau khai thác Titan tại mỏ Nam Đê Gi, xã Cát Thành và văn bản số 2190/UBND-TH ngày 25/3/2024 của UBND tỉnh về việc chủ trương cho nộp tiền trồng rừng phục hồi môi trường sau khai thác Titan tại mỏ Nam Đê Gi, xã Cát Thành huyện Phù Cát của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định. Chi cục Kiểm lâm đã tham mưu cho Sở Nông nghiệp và PTNT có văn bản số 769/SNN-KL ngày 15/3/2024 đề nghị các Sở Tài nguyên và Môi trường và Sở Tài chính xem xét và có ý kiến về việc nộp tiền trồng rừng phục hồi môi trường sau khai thác Titan tại mỏ Nam Đê Gi, xã Cát Thành, huyện Phù Cát của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định; văn bản số 844/SNN-KL ngày 20/3/2024 báo cáo UBND tỉnh và văn bản số 974/SNN-KL ngày 29/3/2024 gửi Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định.

Trên cơ sở ý kiến tham gia của Sở Tài nguyên và Môi trường tại văn bản số 813/STNMT-TNKS ngày 18/3/2024; Sở Tài chính tại văn bản số 836/STC-QLNS ngày 19/3/2024 và văn bản số 29/CV-BMC ngày 01/4/2024 của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định; Chi cục Kiểm lâm đã tính toán số tiền trồng rừng phục hồi môi trường sau khai thác Titan tại mỏ Nam Đê Gi, xã Cát Thành, huyện Phù Cát của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định với những nội dung sau:

### **1. Căn cứ pháp lý**

Căn cứ Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh;

Căn cứ Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH ngày 06/11/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Hướng dẫn xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện;

Căn cứ Thông tư số 17/2022/TT-BNNPTNT ngày 27/10/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định về các biện pháp lâm sinh;

Căn cứ Thông tư số 21/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định một số định mức kinh tế - kỹ thuật về Lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 4857/QĐ-UBND ngày 27/12/2017 của UBND tỉnh phê duyệt suất đầu tư trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng, bảo vệ rừng phòng hộ, đặc dụng trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Quyết định số 460/QĐ-NNPTNT ngày 30/3/2000 của Sở Nông nghiệp và PTNT Bình Định về ban hành quy trình kỹ thuật trồng rừng Phi lao phòng hộ ven biển tại tỉnh Bình Định.

## 2. Tính toán số tiền phải nộp vào ngân sách

### a) Phạm vi, diện tích, đối tượng đề nghị nộp tiền

- Khu vực Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định đề nghị nộp tiền trồng rừng phục hồi môi trường sau khai thác trong phạm vi giấy phép khai thác khoáng sản số 418/GP-BTNMT ngày 10/3/2011 và được gia hạn tại giấy phép số 359/GP-BTNMT ngày 19/12/2022 tại mỏ titan Nam Đê Gi, xã Cát Thành, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định với diện tích 24,68 ha, thời hạn 02 năm. Năm 2023, Công ty đã khai thác xong và đã tiến hành san gạt bãi cát về trạng thái an toàn diện tích 8,3 ha và đề nghị nộp tiền trồng rừng phục hồi môi trường sau khai thác titan đối với diện tích 8,3 ha nêu trên.

### b) Các yếu tố tự nhiên, sản xuất của khu vực:

- Thực bì: Không có.
- Đất đai: Bãi cát ven biển đã khai thác titan, địa hình tương đối bằng phẳng; thành phần cơ giới cát mịn, bán di động, độ dày tầng cát > 1m.
- Cự ly vận chuyển cây con, phân bón và cự ly đi làm: <1 km.

c) Loài cây trồng, phương thức trồng; mật độ trồng: Loài cây Phi lao, trồng thuần loài; mật độ trồng 2.000 cây/ha.

d) Thời gian Trồng và chăm sóc rừng phục hồi môi trường: 03 năm.

đ) Đơn giá: **66.139.000 đồng/ha**; trong đó:

- Trồng và chăm sóc năm thứ nhất: 53.595.000 đồng.
- Chăm sóc năm thứ 2: 6.272.000 đồng.
- Chăm sóc năm thứ 3: 6.272.000 đồng.

e) Tổng số tiền phải nộp: 548.953.700 làm tròn **548.954.000 đồng**.

66.139.000 đồng/ha x 8,3 ha = 548.953.700 đồng; làm tròn 548.954.000 đồng.

*(Chi tiết có các Phụ lục kèm theo)*

- Phụ lục số I: Thuyết minh xây dựng đơn giá trồng rừng phục hồi môi trường sau khai thác Titan.

- Phụ lục số II: Chi phí trực tiếp cho 01 ha trồng rừng phục hồi môi trường sau khai thác Titan.

- Phụ lục số III: Dự toán đơn giá cho 01 ha trồng rừng phục hồi môi trường sau khai thác Titan.

### **3. Các nội dung liên quan**

a) Đơn giá trồng rừng phục hồi môi trường sau khai thác Titan được tính toán theo các yếu tố tự nhiên, sản xuất của khu vực mỏ Nam Đê Gi, xã Cát Thành huyện Phù Cát của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định: Khu vực không có thực bì; đất nhóm 1, tương đối bằng phẳng; cự ly vận chuyển cây con, phân bón và cự ly đi làm: <1 km.

b) Giá vật tư tại thời điểm: Được tính trên cơ sở bảng báo giá của bản tin “ Sản xuất và thị trường được phát hành hàng tuần của Sở Nông nghiệp và PTNT”.

**4. Nguồn vốn đầu tư:** Nguồn vốn của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định.

Chi cục Kiểm lâm kính báo cáo Sở Nông nghiệp và PTNT xem xét và có văn bản báo cáo UBND tỉnh cho phép Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định được nộp đầy đủ số tiền trồng và chăm sóc rừng trồng theo quy định; Số tài khoản nộp vào ngân sách nhà nước theo hướng dẫn của Sở Tài chính tại văn bản số 836/STCQLNS ngày 19/3/2024./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Phòng KHTH Sở;
- Lãnh đạo Chi cục;
- Lưu: VT, SDPTR.

**CHI CỤC TRƯỞNG**

**Lê Đức Sáu**